

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/6/2025

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bà Mai Thị Nhặt

Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2025/TLST- HNGĐ ngày 31/3/2025 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 225/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị X**, sinh năm: 2001; (có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp Đông Hòa, xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm: 2001 (vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn bà X trình bày:

Bà và ông L kết hôn năm 2021, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian

đầu có hạnh phúc. Sau đó mâu thuẫn phát sinh năm 2024, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng và gia đình có bàn bạc hàn gắn nhưng không được. Hiện nay tình cảm của bà đối với chồng không còn. Nay bà cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nhã U, sinh ngày 20/4/2021, Bà xin được nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà X khai không có

Về nợ chung: Bà X khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã nhiều lần mời ông H đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Bà X được tiếp tục nuôi cháu Trần Nhã U, sinh ngày 20/4/2021. Tài sản chung, nợ chung: Bà X khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 04/02/2025 bà Huỳnh Thị X có đơn xin ly hôn với ông Trần Văn L, ông L đang cư trú tại huyện M nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho ông L để tham gia phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do. Bên cạnh đó vào ngày 22/5/2025 bà X cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà X, ông L là phù hợp.

[3] Bà X và ông L kết hôn năm 2021, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại U, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh năm 2024, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng và gia đình có bàn bạc hàn gắn nhưng không được. Nay bà X cương quyết xin được ly hôn. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không đến Tòa đồng thời cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nhã U, sinh ngày 20/4/2021, Cháu U hiện đang sống với mẹ do đó nghĩ nên giao cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà X không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nghĩ nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà X khai không có nên không xem xét giải quyết

[6] Về nợ chung: Bà X khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng bà X phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Ngọc X1, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân:* Bà **Huỳnh Ngọc X1** được ly hôn với ông **Trần Văn L**.

- *Về con chung:* có 01 con chung tên Trần Nhã U, sinh ngày 20/4/2021. Bà X1 được tiếp tục nuôi cháu Q.

Ghi nhận việc bà X1 không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con một trong các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi việc nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà X1 khai không có nên không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà X1 khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà X1 phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011651 ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam. Bà X1 đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h Mô Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h Mô Cày Nam;
- UBND xã Thành An,
h Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong